TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2024/DS-ST
Ngày: 02-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận

2. Ông Lê Thành Đông

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện ủy quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D – Chức vụ: Tổng giám đốc theo hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/4/2023.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phạm Anh T – Chức vụ: Phó giám đốc MBAMC Chi nhánh T theo văn bản ủy quyền số 12941.4/UQ- MBAMC ngày 21/12/2023.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 2000; ông Nguyễn Vạn P; ông Nguyễn Khắc H; ông Trần Quyết T; ông Phạm

Thành L; ông Nguyễn Quang H - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - MBAMC T.

Địa chỉ: Đường V, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông N có mặt. Ông P, ông H, ông T, ông L, ông H vắng mặt.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Ngày 17/01/2023, giữa MB – Chi nhánh T và ông Trần Minh T có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay số 0001.23.749.23249075.TD, số khế ước 2301760915. Theo đó MB cho ông T vay số tiền 2.700.000.000 đồng. Mục đích cho vay: thanh toán tiền mua bất động sản. Thời hạn cho vay là 240 tháng. Lãi suất cho vay là 12,1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay ông T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, diện tích 303,4m^2, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 578243, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS11074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/11/2021, cập nhật chuyển nhượng ngày 19/01/2023 cho ông Trần Minh T. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay của ông T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 0137/HĐTC, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đ công chứng ngày 30/01/2023 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả cho MB được số tiền nợ là 82.441.639 đồng (gồm 22.500.004 đồng tiền gốc và 59.941.635 đồng tiền lãi). Sau đó, ông T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho MB, dẫn đến khoản vay bị quá hạn từ ngày 25/4/2023. MB đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông T trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho MB quản lý nhưng ông T đều không thực hiện, kéo dài thời gian, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ, điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của MB. Tạm tính đến ngày 19/4/2024, ông T còn nợ MB số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 3.068.457.147 đồng.

Nay MB khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền nợ tính đến hết ngày 19/4/2024 là 3.068.457.147 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 2.677.499.996 đồng và nợ lãi là 390.957.151 đồng (gồm lãi trong hạn là 358.279.920 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 14.196.454 đồng và lãi chậm trả là 18.480.777 đồng). Yêu cầu

ông T tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 0001.23.749.23249075.TD ngày 17/01/2023, kể từ ngày 20/4/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông T không thực hiện trả nợ và lãi phát sinh thì MB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, diện tích 303,4m^2, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 578243, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS11074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/11/2021, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Minh T ngày 19/01/2023 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho MB.

Bị đơn ông Trần Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng ông có ý kiến: Ông có nhận chuyển nhượng đất và căn nhà gắn liền với thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre và thế chấp cho MB để vay tiền. Do tình hình kinh tế khó khăn, ông không có khả năng trả lãi cho MB. Nay ông đồng ý để MB phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Minh T.

Buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ là 3.068.457.147 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 2.677.499.996 đồng và nợ lãi trong hạn là 358.279.920 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 14.196.454 đồng và lãi chậm trả là 18.480.777 đồng tính đến ngày 19/4/2024.

Ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và văn bản nhận nợ ngày 17/01/2023, kể từ ngày 20/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông T không thanh toán khoản nợ trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1336 theo Hợp đồng thế chấp số 88791.23.749.23249075.BĐ ngày 30/01/2023 được xử lý để thanh toán nghĩa vụ trả nợ với MB theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T cư trú tại ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T có trách nhiệm trả tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 19/4/2024 là 3.068.457.147 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi sau ngày 20/4/2024 cho đến khi ông T trả hết nợ. Nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh thì MB được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[2.1] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng cho vay số 0001.23.749.23249075.TD, Văn bản nhận nợ số LD2301760915 cùng ngày 17/01/2023 và Hợp đồng thế chấp số 88791.23.749.23249075.BĐ ngày 30/01/2023, có đủ căn cứ xác định ông T có giao kết hợp đồng vay tiền với MB và đã nhận đủ số tiền vay 2.700.000.000 đồng. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua bất động sản, thời hạn vay là 240 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 12,1%/năm theo dư nợ thực tế. Lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả tiền nợ gốc và lãi hai bên thỏa thuận là ngày 25/02/2023 với số tiền nợ gốc phải trả mỗi tháng là 11.250.000 đồng cộng tiền lãi phát sinh trên nợ gốc. Sau khi nhận tiền ông T đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ nhưng đến kỳ trả nợ ngày 25/4/2023, ông T bắt đầu vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ quá hạn, yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết nhưng ông T không thực hiện nên toàn bộ khoản nợ của ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 08/8/2024, ông T thừa nhận có thế chấp căn nhà gắn liền với thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre để vay tiền của MB. Do tình hình kinh tế khó khăn, ông T không có khả năng trả lãi cho MB. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định khoản nợ vay của ông T đã quá hạn và ông T không có khả năng trả nợ vay nên MB khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/4/2024 là 3.068.457.147 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.677.499.996 đồng và nợ lãi trong hạn là 358.279.920 đồng, lãi trên gốc quá hạn

là 14.196.454 đồng và lãi chậm trả là 18.480.777 đồng) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T còn phải tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2024 theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 0001.23.749.23249075.TD và Văn bản nhận nợ số LD2301760915 ngày 17/01/2023 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu của MB về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh cho MB. Xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp số 88791.23.749.23249075.BĐ ngày 30/01/2023, thể hiện ông Trần Minh T là chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, diện tích 303,4m^2, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre được cập nhật chuyển nhượng ngày 19/01/2023. Hợp đồng được chứng thực tại Văn phòng công chứng Đ số công chứng 0137/HĐTC, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2023. Tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp pháp. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì trên thửa đất số 1336 có 01 căn nhà tường kiên cố, sân lát gạch vĩa hè và hàng rào xung quanh nhà bằng gạch xây tô. Các tài sản gắn liền trên đất nêu trên là tài sản của ông T. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả n, đồng thời đồng ý để MB phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Vì vậy, MB yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi xử lý tài sản thế chấp của ông T để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận. MB được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1336, tờ bản đồ số 13, diện tích 303,4m^2, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 578243, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS11074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/11/2021, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Minh T ngày 19/01/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MB cho đến khi trả hết nợ.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về phi phí tố tụng tổng cộng là 1.445.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), MB đã tạm ứng nộp xong. Do yêu cầu khởi kiện của MB được chấp nhận nên ông T phải chịu số tiền nêu trên. Buộc ông T có trách nhiệm hoàn trả cho MB số tiền 1.445.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của MB được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định 3.068.457.147 đồng = 72.000.000 đồng + (1.068.457.147 đồng x 2%) = 93.369.142 đồng (làm tròn 93.369.000 đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.684.000 đồng theo biên lai thu số 0001638 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Minh T.

Buộc ông Trần Minh Tâm có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ tính đến ngày 19/4/2024 là 3.068.457.147đ (Ba tỷ không trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 2.677.499.996đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 358.279.920đ (Ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi đồng), lãi trên nợ gốc quá hạn là 14.196.454đ (Mười bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng) và lãi chậm trả là 18.480.777đ (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Buộc ông Trần Minh T phải tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q kể từ ngày 20/4/2024 theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0001.23.749.23249075.TD và Văn bản nhận nợ số LD2301760915 cùng ngày 17/01/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1336, tờ bản đồ

số 13, diện tích 303,4m^2, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 578243, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS11074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/11/2021, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Minh T ngày 19/01/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Trần Minh T còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho đến khi trả hết nợ.

2. Về phi phí tố tụng ông Trần Minh T phải chịu số tiền là 1.445.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tạm ứng nộp xong nên buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu số tiền là 93.369.000đ (Chín mươi ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.684.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001638 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang